



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

SAIGON WATER INFRASTRUCTURE CORPORATION

7th Floor, 60 Nguyen Dinh Chieu St., Dist.1, HCMC., Vietnam • Tel: +848 6291 8483 • Fax: +848 6291 8489 • saigonwater.com.vn

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển	6
6. Các rủi ro	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
1. Tình hình thực hiện hoạt động SXKD	9
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	15
4. Tình hình tài chính	16
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	16
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động KD	17
2. Tình hình tài chính	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	18
4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2016	19
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	22
1. Đánh giá về hoạt động của công ty	22
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc	22
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT	23
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
1. Hội đồng quản trị	24
2. Ban kiểm soát	29
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát	29
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	31
1. Ý kiến kiểm toán:.....	31
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	31
2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán:	31
2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:	31

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 17/10/2013
- Vốn điều lệ: **583.700.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **583.700.000.000 đồng**
- Địa chỉ: Lầu 7, tòa nhà 60NDC, số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84.8) 62918483
- Số fax: (84.8) 62918489
- Website: www.saigonwater.com.vn
- Mã cổ phiếu: **SII**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; Vốn ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề Dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Đến ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành thành tăng vốn thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

📌 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, Thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (Trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải;
- Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch-nước thải. Bán buôn vật tư-thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hoá chất khác (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp. Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính). Giám sát thi công công trình. Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng. Kinh doanh bất động sản.

📌 Địa bàn kinh doanh

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ chí Minh và các tỉnh thành khác như Long An, Lâm Đồng, Gia Lai, Cần Thơ.
- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

📌 Mô hình quản trị

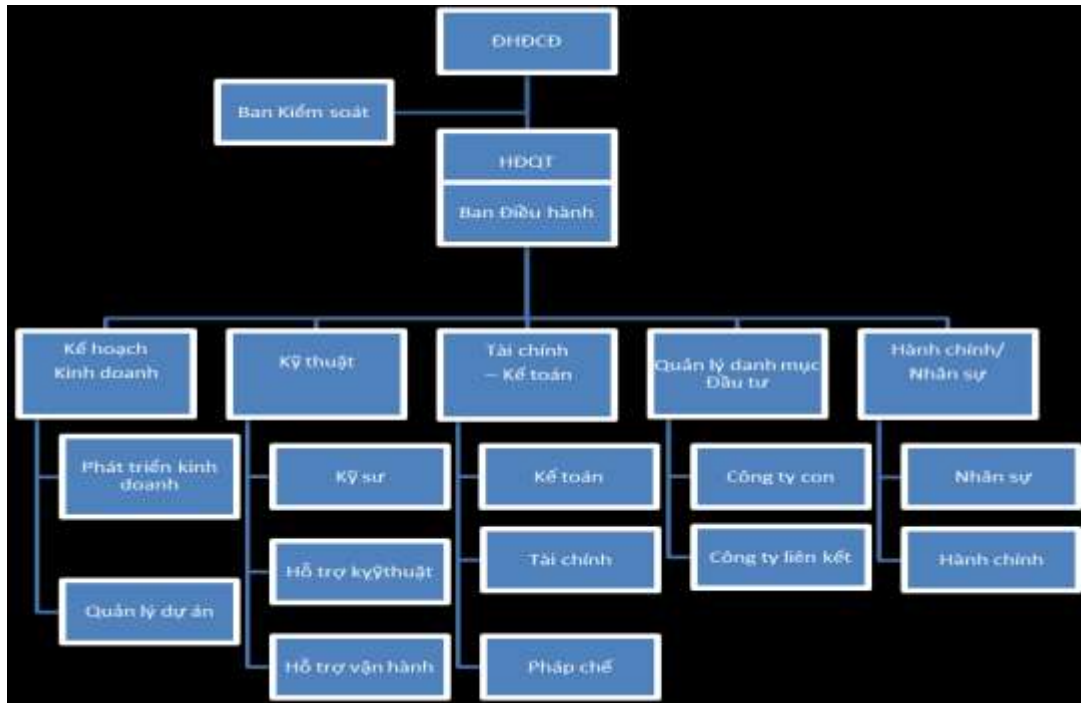
Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo qui chế quản trị của công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2011/QĐ-HDQT-SII ngày 09/12/2011 của Hội đồng quản

trị công ty. Theo đó, qui chế này qui định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

🚩 Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty.

sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:



🚩 Các công ty con, công ty liên kết:

Tại ngày 31/12/2015 công ty có sáu (6) công ty con và ba (3) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

Thông tin về công ty con:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thắt thoát nước
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Thông tin về công ty liên kết

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Tỉnh Long An	25,77%	25,77%	Khai thác, cung cấp nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	31,21%	31,21%	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch

5. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”



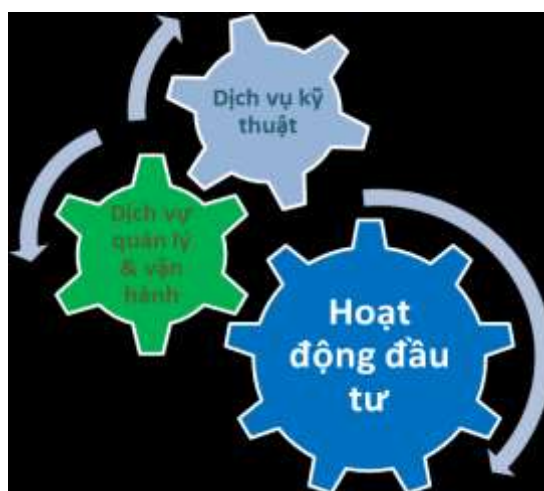
✚ Sứ mệnh

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

✚ Định hướng chiến lược phát triển

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



❖ Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

❖ Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước

- Tiếp tục phát triển thị trường với các giải pháp công nghệ mới cho các lĩnh vực xử lý nước sạch, xử lý nước thải đô thị như: UV, tự động hóa, thiết bị quản lý và kiểm soát rò rỉ, thiết bị dò tìm rò rỉ thông qua chính sách “Free Engineering”
- Phát triển và tăng cường sự hiện diện của các thiết bị và hệ thống do Enviro nghiên cứu, sản xuất.
- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao từ Hoa Kỳ.

❖ Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.

- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thị Việt Nam. Hơn nữa, tỷ lệ thất thoát nước sạch trong ngành cấp nước Việt Nam còn ở mức cao (40- 50%). Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, khoảng 1,5 tỷ m³ nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành (120 triệu m³ được xử lý hàng năm). Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

6. Các rủi ro

Rủi ro đầu tư

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Những điều kiện này có sự khác biệt với những quy định phổ biến ở những nước phát triển hơn.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ, Chính phủ thì bớt gánh nặng, mà nền kinh tế vẫn phát triển.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý như giới hạn về mức cho vay đối với kinh doanh BĐS và chứng khoán, quy định về tỷ lệ nợ xấu, đánh giá và phân nhóm các ngân hàng nhằm đưa ra hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm.... Việc làm này đã ảnh hưởng đến hàng loạt các ngân hàng phải co cụm giới hạn cho vay và thay đổi mức lãi suất vay khi lãi suất đầu vào tăng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược tài chính của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục phát triển theo định hướng chuyên ngành Hạ tầng nước, tập trung nguồn lực cho việc triển khai các dự án đã được bắt đầu từ năm 2014 thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015 của Công ty vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng thường niên 2014 đã thông qua, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	% Thực hiện 2015/Thực hiện 2014	%Thực hiện 2015 /Kế hoạch 2015
1. Tổng doanh thu	613.272	108.330	283.470	466%	116%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	591.861	86.278	269.907	586%	119%
Doanh thu hoạt động tài chính	20.942	20.430	13.563	3%	54%
Thu nhập khác	468	1.622	-	-71%	-
2. Tổng chi phí	452.549	95.759	265.590	373%	70%
Giá vốn bán hàng	411.496	63.921	209.540	544%	96%
Chi phí tài chính	14.477	9.372	16.317	54%	-11%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.435	22.441	39.733	18%	-33%
Chi phí khác	141	25	-	465%	-
3. Lợi nhuận từ cty liên kết	7.489	2.127	8.540	252%	-12%
4. Lợi nhuận trước thuế	168.212	14.698	26.420	1044%	537%
5. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	119.015	13.491	17.300	782%	588%

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2015 là 119 tỷ đồng, tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2014 và kế hoạch đề ra bởi những nguyên nhân sau:

- Doanh thu từ hoạt động cấp nước tại các công ty con tăng so với năm trước do lượng nước ghi thu tăng trong hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Dankia. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku bắt đầu hoạt động từ quý 3/2015, với lượng nước ghi thu trung bình là 2.400 m³/ngày.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ tăng đột biến so với năm trước và kế hoạch là do những hợp đồng mua bán và cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro cho Dự án Củ Chi. Tổng doanh thu ghi nhận được từ các hợp đồng thương mại này là 492 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính trong 2015 cao hơn năm ngoái và kế hoạch là do cổ tức được chia từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức.
- Chi phí quản lý được giữ ở mức tối thiểu.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 28/03/2015

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)
1	Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc	0,04%
2	Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc	0,03%
3	Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
4	Ronnie D. Lim	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
5	Bùi Quốc Dũng	Kế toán trưởng	0,00%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

Ông Trương Khắc Hoàn - Tổng Giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1972
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 97 đường số 2, CX Bình Thới, F.8, Quận 11, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1994 đến năm 1996 : Kiểm soát tài chính, Công ty Control Techniques Việt Nam
 - + Từ năm 1997 đến năm 2004: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nước & Môi trường (WACO)
 - + Từ năm 2005 đến năm 2010: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
 - + Từ năm 2010 đến 04/2012: Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức

- + Từ 07/2011 đến 04/2012: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn.
- + Từ 05/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Hạ tầng nước Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó Tổng giám đốc Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
 - + Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM

Bà Giao Thị Yến - Phó Tổng Giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh : 13/03/1955
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 151 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1982 đến năm 1998: Phó giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông
 - + Từ năm 1999 đến năm 2000 : Phó trưởng ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM
 - + Từ năm 2000 đến năm 2007 Tổng giám đốc HIFU, kiêm:
 - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM
 - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức
 - ✓ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán TP.HCM
 - ✓ Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển nhà HCM
 - ✓ Giám đốc Quỹ Phát triển Nhà HCM
 - + Từ năm 2008 đến năm 2009:
 - ✓ Nghi hưu theo chế độ nhà nước
 - ✓ Chuyên gia tư vấn độc lập: Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam; Vietbook group
 - + Từ năm 2009 đến 2010: Tư vấn cao cấp về tài chính cơ sở hạ tầng dự án các Quỹ Đầu tư Phát triển Địa phương của WB ở Việt Nam
 - + Từ tháng 07/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT Kiêm Phó Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần thực phẩm Cholimexfood.

Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1978
- Nơi sinh: Ninh Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 243/1/10 Tô Hiến Thành, P.13, Quận 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2001 đến năm 2010 : Phụ trách bộ phận Tiếp thị và Bán hàng, Công ty Mekong Corporation
 - + Từ tháng 01/2010 đến tháng 05/2010: Giám đốc Bộ phận bán thiết bị, Công ty Cổ phần Phương Nam.
 - + Từ tháng 06/2010 đến nay: Giám đốc Phụ trách phát triển kinh doanh của Manila Water tại Việt Nam.
 - + Từ tháng 11/2012 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VinaPhil
 - + Từ tháng 10/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
 - + Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VinaPhil
 - + Giám đốc Phụ trách phát triển kinh doanh của Manila Water tại Việt Nam

Ông Ronnie D. Lim: Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh : 29/08/1978
- Nơi sinh: Bacolod City
- Quốc tịch: Phillipines
- Dân tộc: Phillipines
- Quê quán: Phillipines
- Địa chỉ thường trú: 4E Sherwoods Apartments, 127 Pasteur, Quận 3, TP. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kinh tế Kinh doanh
- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 04/2000 đến tháng 1/2001: Giám đốc kinh doanh Công ty 5thP Quảng cáo
- + Từ tháng 02/2001 đến tháng 12/2004: Giám đốc kinh doanh khu vực Công ty nước Manila
- + Từ tháng 1/2005 đến 2007: Cán bộ Pháp chế và phát triển công ty Công ty nước Manila
- + Từ 2007 đến 7/2009: Giám đốc phát triển kinh doanh mới Công ty nước Manila
- + Từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2011: Giám đốc hoạt động (COO) – Việt Nam Công ty nước Manila
- + Từ tháng 7/2011 đến tháng 9/2013: Trưởng phòng phát triển kinh doanh Công ty nước Manila
- + Từ tháng 10/2013 đến hiện tại: Giám đốc khu vực/ Trưởng văn phòng đại diện (Việt Nam)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Trưởng văn phòng đại diện của Công ty Manila Water tại Việt Nam

Ông Bùi Quốc Dũng: Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1975
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 422C Chung cư Hiệp Bình Chánh – Thủ Đức – TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1997 đến 2001: Nhân viên kế toán tại Công ty Xuất Nhập Khẩu – Thương Mại – Du Lịch Tỉnh Bình Phước
 - + Từ năm 2001 đến năm 2004: Nhân viên kế toán tại Công ty Xây dựng Công trình 507
 - + Từ năm 2005 đến năm 2008: Trưởng phòng kế toán Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 586 tại Long An, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Thành.
 - + Từ năm 2009 đến năm 2010: Phó phòng kế toán Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 586, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Thành;
 - + Từ năm 2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Long An

🚩 **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Trong năm 2015 công ty có sự thay đổi trong Ban điều hành: bổ sung một (01) Phó Tổng Giám đốc.

🚩 **Số lượng lao động trong công ty:**

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2015	Tỷ lệ
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	30	86% (Chưa bao gồm 04 thành viên BGD và KTT)
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	15.800.000đ	
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên đại học (người)	25	83% (so với số lượng 30 người)
- Cao đẳng, trung cấp (người)	1	3%
- Khác (người)	4	14%
Phân theo hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn (người)	19	63%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	11	37%
- Hợp đồng lao động dưới 12 tháng	0	0%

Chính sách đối với người lao động

❖ **Thời gian làm việc**

- Thời gian làm việc của khối văn phòng:
- Buổi sáng: từ 8giờ đến 12giờ00.
- Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.
- Ngày nghỉ hàng tuần: Thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được năm năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ 09 ngày lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

❖ Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Tuyển dụng:
 - ✓ Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
 - ✓ Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty.
- Đào tạo:
 - ✓ Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.

❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

- Lương và thưởng sẽ được căn cứ vào kỹ năng và năng lực của từng nhân viên.
- Thưởng được xem xét cho từng thời gian trong năm.
- Nghỉ mát thường niên.
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- Ngoài những quy định theo luật lao động công ty còn có những chính sách hỗ trợ khác để chăm lo đến đời sống của người lao trong Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2015, ngoài việc nghiên cứu, cung cấp các giải pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả của các dự án trong danh mục đầu tư hiện hữu, công ty tập trung nguồn lực cho việc triển khai các dự án mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Công ty đã triển khai thực hiện một số dự án quan trọng theo kế hoạch đề ra như sau:

- Triển khai dự án “Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi”, với kết quả thực hiện trong giai đoạn 1 như sau:
 - + Hoàn tất xây dựng tổng cộng 529.588 km tuyến ống trong năm 2015 ;
 - + Nâng cấp và cải thiện quy trình hoạt động của 7 trạm nước ngầm hiệu quả hơn;
- Thành lập Công ty cổ phần Nước Sài Gòn – Cần Thơ theo Nghị quyết số 15/2015/QĐ-HĐQT-SGW của Hội đồng quản trị;
- Tham gia cung cấp vật tư, thi công, bảo hành công trình cho nhiều dự án chuyên ngành như Nhà máy nước Thủ Đức (công suất 500 MLD), Công trình xây dựng Nhà máy nước Tân Hiệp II (công suất 300 MLD), Dự án Củ Chi;
- Đưa Nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku (Công suất 30 MLD) vào vận hành chính thức từ tháng 5/2015, đầu nối với mạng cấp nước của Công ty Cấp nước Gia Lai;
- Tham gia nghiên cứu thông tin tại các Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng nước trong quá trình chuẩn bị cổ phần hóa của các Doanh nghiệp nhà nước;

- Công ty đã mua 1.432.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, tương đương tỷ lệ sở hữu là 28,66%.
- Công ty đã mua 3.374.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ;

Những mảng đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường trong thời gian tới.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	2015	2014	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	2.888.127	1.026.084	181%
Doanh thu thuần	591.861	86.278	586%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	160.724	12.571	1179%
Lợi nhuận khác	468	1.622	-71%
Lãi lỗ trong công ty liên kết	7.488	2.127	252%
Lợi nhuận trước thuế	168.212	14.698	1044%
Lợi nhuận sau thuế	133.358	14.565	816%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2015	2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
_ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,91	5,03
_ Hệ số thanh toán nhanh	3,78	4,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
_ Nợ/ Tổng tài sản	56%	22%
_ Nợ/ Vốn chủ sở hữu	127%	29%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
_ Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	1,63	0,28
_ Vòng quay hàng tồn kho	12,48	1,76
_ Vòng quay tổng tài sản	0,30	0,09
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
_ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	22,5%	16,9%
_ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	12,9%	1,9%
_ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	6,8%	1,5%
_ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	27,2%	14,6%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2015: 58.370.000 cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tính đến ngày 31/12/2015: 58.370.000 cổ phiếu phổ thông

5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/03/2016:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ
1	Trong nước	132	32.952.720	56,45%
	- Tổ chức	6	32.723.320	56,06%
	- Cá nhân	126	229.400	0,39%
2	Nước ngoài	7	25.417.280	43,55%
	- Tổ chức	3	25.404.720	43,53%
	- Cá nhân	4	12.560	0,02%
	Tổng cộng	139	58.370.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 28/03/2016:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số cmnd/ Hộ chiếu/ đkkd	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM	0302483177	12/24/2001	50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	32.654.750	55,94%
2	VIAC (NO.1) LIMITED PARTNER SHIP	CA5360	7/12/2011	24 Raffles Place # 22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	12,05%
3	Manila Water South Asia Holdings PTE.LTD	201009681K	5/5/2010	36 Robison Road, # 17-01 City House, Singapore (068877)	18.370.000	31,47%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Đề đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua, trong năm 2015 Công ty đã tập trung nguồn lực cho việc tìm kiếm và phát triển các dự án mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành, bên cạnh đó Công ty cũng đã tập trung cải thiện phương thức quản lý trong hoạt động kinh doanh, bao gồm các khoản đầu tư hiện hữu để nâng cao hiệu quả đầu tư của các dự án.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong công tác huy động vốn, phát triển dự án mới, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty vẫn phát triển và tăng trưởng đáp ứng được các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Những tiến bộ đã đạt được


- Công ty đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong 2015 về việc tìm kiếm và phát triển các dự án mới. Những dự án này là thành quả của việc tận dụng các nguồn tài lực quan trọng và nỗ lực từ bản quản trị trong việc đàm phán thương thảo và đạt được các cam kết nhất định, không chỉ từ chính quyền địa phương, mà còn ở các định chế tài chính và khách hàng mới. Những thành quả của Công ty trong 2015 bao gồm:

- Công ty triển khai dự án xây dựng mạng lưới phân phối nước sạch Củ Chi. Tổng chiều dài tuyến ống cấp 1, cấp 2 và cấp 3 đã lắp đặt trong 2015 là 530 km. Tổng số đầu nối đã lắp đặt là 14.557 hộ dân. Bên cạnh đó, 7 trạm nước ngầm cũng được bàn giao cho công ty để cải thiện năng suất hoạt động và các bồn nước tập trung cũng được lắp đặt như là giải pháp tạm thời cho các khu vực chưa có tuyến ống đi qua. Với khối lượng công việc phải thực hiện khổng lồ thì Công ty cũng cần phải có nguồn vốn thật lớn. Ban điều hành cũng đã đạt được cam kết tài trợ vốn từ các ngân hàng, thương thảo với chính quyền về vấn đề hỗ trợ vốn và kêu gọi đóng góp từ các nhà đầu tư khác để huy động đủ vốn đầu tư cần thiết cho dự án trong giai đoạn này.
- Công ty đã đăng ký và trở thành cổ đông chiến lược của Công ty cổ phần Cấp nước Cần Thơ (WASSCO) thông qua việc mua 3.374.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 12,05% vốn điều lệ của WASSCO. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần kỹ thuật Enviro cũng đã trúng đấu giá công khai và mua được 6.310.400 cổ phần chiếm tỷ lệ 22% vốn điều lệ tại WASSCO. Tổng cộng, Saigon Water sở hữu gián tiếp và trực tiếp 31% vốn điều lệ của WASSCO.
- Cơ cấu tổ chức đã và đang từng bước hoàn thiện theo hướng hiệu quả hơn.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí, doanh thu, dòng tiền nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Tình hình tài sản

 Tổng tài sản cuối năm 2015 đạt 2,888,127 triệu đồng, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015	Tăng (giảm)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	892.834	509.441	383.393
1. Tiền và tương đương tiền	331.763	140.578	191.185
2. Các khoản phải thu	406.616	319.033	87.583
3. Hàng tồn kho	29.820	36.108	(6.287)
4. Các tài sản ngắn hạn khác	124.634	13.722	110.912
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.995.293	516.643	1.478.651
1. Các khoản phải thu dài hạn	72.150	33.231	38.920
2. Tài sản cố định	319.400	153.715	165.684
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.223.518	124.031	1.099.487
4. Đầu tư tài chính dài hạn	353.515	177.388	176.127
5. Các tài sản dài hạn khác	26.711	28.278	(1.567)
TỔNG TÀI SẢN	2.888.127	1.026.084	1.862.043

Tình hình nợ phải trả

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2015 là 1.618 tỷ đồng, tăng thêm 1.394 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản nợ này đa phần là từ gói vay 640 tỷ đồng và gói hỗ trợ dự án 600 tỷ từ ngân sách nhà nước dùng cho việc xây dựng mạng lưới cấp nước dự án Củ Chi.

Các mức tăng ở các khoản phải trả khác là đa phần là cho các nhà thầu, nhà cung ứng của công ty đối với dự án Củ Chi. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

NỢ PHẢI TRẢ	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015	Tăng (giảm)
I. Nợ ngắn hạn	228.353	101.248	127.105
1. Phải trả người bán ngắn hạn	94.074	36.348	57.726
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.151	978	2.173
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	37.286	1.260	36.026
4. Phải trả người lao động	864	1.318	(454)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.402	2.295	11.107
6. Phải trả ngắn hạn khác	6.007	29.311	(23.304)
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	73.415	29.621	43.794
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	154	118	36
II. Nợ dài hạn	1.389.761	122.728	1.267.033
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	600.000	-	600.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	789.761	122.728	667.033
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.618.114	223.976	1.394.139

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã hoàn thành công việc xem xét đánh giá về tổ chức quản trị trong công ty với sự tư vấn của Pricewaterhouse Coopers (PWC). Những đề xuất của PWC đang được xem xét và ưu tiên triển khai. Ban điều hành cũng đang sắp đặt kế hoạch với những thời hạn nhất định cho việc thực thi những đề xuất này, trong đó những mặt tối cần thiết hơn sẽ được ưu tiên để cải thiện.
- Dựa trên đề xuất của PWC, Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức dựa trên mục tiêu phát triển của Công ty trong vòng 5 năm tới và sự cần thiết phải được hỗ trợ của các công ty con trực thuộc và các công ty liên kết. Việc triển khai này đã làm nên những thay đổi lớn trong cách thức hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Công ty cũng đã lập kế hoạch kinh doanh, chi phí dự án, doanh thu và dòng tiền để đảm bảo có sự theo dõi sát sao các chỉ tiêu hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty.
- Công ty cũng đã thường xuyên cập nhật thay đổi các chính sách hiện tại để quản lý tài chính và các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả và nhanh chóng.

4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2016:

Trong năm 2016, Công ty phải có rất nhiều nỗ lực hơn nữa để đạt được những thành quả tương tự như những gì đã đạt được trong 2015. Mục tiêu của Công ty, đi song song với tầm nhìn phát triển tối ưu sau này, là hướng tới việc mở rộng hoạt động kinh doanh và cung cấp những giải pháp tối ưu nhất cho ngành cấp thoát nước và xử lý nước thải, từ đó tạo ra những lợi ích lâu dài cho cộng đồng và mang lại lợi nhuận và bền vững cho Công ty. Những lĩnh vực phát triển chính của Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động của các mảng kinh doanh hiện tại và tham gia đầu tư vào những dự án có khả năng đem lại hiệu quả cao hơn.

Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành có thể tóm lược trong 3 phương án chính sau: kế hoạch và quản lý tài chính; nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại; và phát triển các hướng kinh doanh mới. Những kế hoạch hành động này sẽ thúc đẩy khả năng tạo lợi nhuận của công ty cũng như đảm bảo sự đầy đủ các nguồn vốn cho dự án, các khoản đầu tư, và tuân thủ các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

📌 Kế hoạch và quản lý tài chính

Với nguồn tài lực hạn chế của Công ty, việc lên kế hoạch và quản lý tài chính là điều tối quan trọng đối với Ban điều hành. Những phương án thiết yếu như sau:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn cho các khoản đầu tư, mua sắm tài sản và chi tiêu hoạt động. Những chỉ tiêu vốn này sẽ theo đúng một lộ trình sắp đặt sẵn cho các dự án và các khoản đầu tư đã được lên kế hoạch bởi Ban điều hành.
- Đảm bảo các dự án được triển khai đúng thời gian theo như hoạch định, và tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới đem lại hiệu quả đầu tư cao hơn.
- Phát triển kế hoạch trung và dài hạn cho chiến lược tài chính của Công ty để giải quyết thiếu hụt các nguồn vốn hay các vấn đề khẩn cấp có thể cản trở việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.
- Ban hành các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và tài chính để đánh giá tính khả thi của dự án và hiệu quả đầu tư. Ưu tiên hơn cho những dự án có hiệu quả đầu tư ngang bằng hay vượt qua các chỉ tiêu đã đề ra.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết rõ ràng để nắm bắt những hoạt động không hiệu quả hay những chỉ tiêu không cần thiết.

📌 Nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại

Đối với hoạt động của các khoản đầu tư hiện tại, Công ty nhắm tới nâng cao kết quả kinh doanh hiện tại kết hợp với việc sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả hơn. Năm 2016 sẽ có rất nhiều thách thức lớn cho các công ty trực thuộc, đa phần là do những yếu tố thị trường bên ngoài bằng cách nào đó cũng sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Trong 2016, Ban điều hành đề xuất các phương án sau:

- Chỉ cung cấp dịch vụ phù hợp với ngành nghề chính và chuyên môn kỹ thuật của Công ty cho các thị trường hiện tại và mới.
- Tìm các giải pháp có thể cho giá nước và lượng nước ghi thu của Dankia, Pleiku và dự án Củ Chi.
- Duy trì mối quan hệ với nhiều công ty ngành nước, trong cả tư nhân và nhà nước, để gia tăng lượng nước kinh doanh của các nhà máy xử lý nước hiện tại cũng như tham gia vào quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp cấp nước.
- Giám sát tiến độ thương thảo dự án và hoàn thành xây dựng dựa trên lộ trình đã đề ra để đẩy nhanh việc ghi nhận doanh thu từ các dự án này.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động của Công ty và so sánh với những tiêu chuẩn phục vụ và chỉ tiêu kinh doanh tốt nhất.

📌 Phát triển các hướng kinh doanh mới

Công ty sẽ tiến hành triển khai các dự án có trong hoạch định. Ban điều hành cũng sẽ xem xét lại chiến lược đầu tư của công ty mà có thể đem lại nhiều giá trị đầu tư cũng như xây dựng thương hiệu và khẳng định chuyên môn trên thị trường. Những chiến lược tập trung như sau:

- Theo đuổi những dự án mới thông qua việc quảng bá giải pháp kỹ thuật mới hay cung cấp dịch vụ quản lý và phân phối nước mà có thể hỗ trợ thực thi phù hợp quy hoạch tổng thể.
- Tạo nên các mối quan hệ chiến lược với các công ty tư nhân và nhà nước trong lĩnh vực cung cấp và dịch vụ phân phối nước sạch, đồng thời quảng bá hồ sơ năng lực của Saigon Water và các công ty con trực thuộc.

- Tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới tại những nơi mà cấp nước chưa có hiệu quả, tỉ lệ thất thoát cao, hay thiếu nguồn cung cấp nước sạch.
- Thực hiện các báo cáo nghiên cứu khả thi và các quy trình cần thiết cho các dự án hay khoản đầu tư tiềm năng để hiểu thêm về cơ hội kinh doanh, khung pháp lý, các quy định áp dụng và phản ứng thị trường có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực dự án xử lý nước thải sinh hoạt và khu công nghiệp; và tìm một giải pháp giá tối ưu cho các dự án này để đem lại lợi ích hài hoà giữa các bên tham gia dự án, cộng đồng. .

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:

Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2016 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	% tăng (giảm)
1. Tổng doanh thu và thu nhập	613.272	1.031.211	68%
2. Tổng chi phí	452.549	972.007	115%
3. Lợi nhuận từ công ty liên kết	7.489	9.053	21%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	168.212	68.257	-59%
5. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	119.015	60.567	-49%

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước,
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật môi trường nước,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước.

Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước:

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Đầu tư xây dựng, vận hành các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:

Công ty sẽ tiếp tục đầu tư để phát triển và mở rộng thị trường, phát triển thêm các giải pháp công nghệ, và củng cố vững chắc vị thế của mình trên thị trường này. Hoạt động chính bao gồm:

- Cung cấp các giải pháp công nghệ, máy móc, thiết bị cho các nhà máy xử lý nước sạch, xử lý nước thải;
- Thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị chuyên dụng cho ngành kỹ thuật môi trường;
- Tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

Phát triển dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước:

Với chuyên môn sâu về ngành và quan hệ đối tác lớn trong lĩnh vực môi trường, Công ty sẽ có điều kiện để phát triển để cung cấp dịch vụ vận hành, bảo dưỡng cho các dự án nhà máy xử lý nước sạch, nước thải do khách hàng đầu tư hoặc do chính Công ty tham gia đầu tư. Đây là một dịch vụ đang được các định chế tài chính quan tâm, thúc đẩy và phát triển tại Việt Nam theo đúng xu hướng phát triển chung trên thế giới.

🚦 Định hướng phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty

Năm 2015, trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô tăng trưởng tích cực, lạm phát được kiểm soát tốt và giữ ở mức thấp, tăng trưởng tín dụng tăng; nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước được sửa đổi, bổ sung và triển khai có hiệu quả tạo thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển. Trên địa bàn thành phố, an ninh chính trị bảo đảm, trật tự an toàn xã hội ổn định; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được tăng cường, một số tuyến giao thông trọng điểm đã hoàn thành góp phần cải thiện môi trường đầu tư. Tuy nhiên, năm 2015 vẫn còn nhiều khó khăn: Tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, tình hình trên Biển Đông vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội của cả nước; tiềm ẩn nguy cơ lạm phát tăng cao trở lại, tiến trình hội nhập mang lại nhiều cơ hội và thách thức, v.v... Tình trạng thiếu vốn vẫn đang còn kéo dài, đặc biệt là đối với các DN vừa và

nhỏ. Nhìn chung, triển vọng của kinh tế Việt Nam trong năm qua và những năm tới có nhiều yếu tố tích cực.

Những khó khăn chung của thị trường nêu trên đã tác động không nhỏ đến hoạt động của công ty nhất là công tác huy động vốn để phát triển hoạt động đầu tư. Trong năm 2015, công ty đã vượt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đề ra, đồng thời triển khai được các dự án đầu tư phù hợp với mục tiêu chiến lược của công ty. Bên cạnh việc hợp tác triển khai thành công ở các tỉnh thành lân cận như thành lập Công ty Nước Sài Gòn – Cần Thơ, mua cổ phần tại Công ty Cấp nước Cần Thơ, công ty còn đạt được thành quả tại các dự án trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh, đáng chú ý nhất là Dự án Đầu tư phát triển và quản lý hệ thống cung cấp và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi. Những thành quả này là tiền đề để công ty tiếp tục xây dựng năng lực và đóng góp cho ngành hạ tầng nước trong năm 2016 và những năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2015 có những khó khăn, thách thức riêng trong việc hoàn tất các dự án trong thời gian ngắn, quản lý danh mục dự án và nhân lực đang tăng trưởng. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực đáng kể trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2014 thông qua. HĐQT hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám Đốc và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Trong năm 2016, Công ty có nhiều kế hoạch cần thực hiện nhằm đạt được kết quả bền vững như năm 2015. Đó là động lực thôi thúc Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và cải thiện công tác vận hành của các công ty con và dự án.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2016, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Đảm bảo việc triển khai đúng thời điểm và thời hạn của các dự án trong kế hoạch, đồng thời tìm hiểu các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận cao;

- Liên tục quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành thuộc lĩnh vực công và các công ty thuộc lĩnh vực tư nhân, nâng cao sản lượng nước từ các nhà máy nước thuộc Công ty;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động đầu tư đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty trong thời gian năm (5) đến mười (10) năm;
- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2016.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

📌 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 7 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ/ Tỷ lệ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-
2	Bà Giao Thị Yên	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000/0,03%
3	Ông Lê Quốc Bình (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015)	Thành viên HĐQT	1.010.000/1,73%
4	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015)	Thành viên HĐQT	0/0%
5	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT	23.000/0,04%
6	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT	0/0%
7	Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên HĐQT	0/0%
8	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	0/0%

📌 Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hiện tại, công ty đã thành lập Hội đồng Đầu tư (HĐĐT) – tiểu ban thuộc HĐQT. Hội đồng đầu tư có trách nhiệm giúp cho Hội đồng quản trị tìm hiểu và thẩm định các dự án đầu tư của công ty một cách hiệu quả nhất. Loại dự án được đưa vào danh mục thẩm định của Hội đồng Đầu tư phải có tổng giá trị đầu tư trên 10.000.000 USD (tương đương >200 tỷ đồng). trong năm 2015, Hội đồng đầu tư đã thường xuyên tư vấn và hướng dẫn Ban điều hành Công ty trong việc chọn lọc và triển khai các dự án đầu tư.

📌 Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2014, HĐQT đã họp 21 lần và ban hành các Nghị quyết với những nội dung sau:

STT	Số nghị quyết- quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT-2015	12/03/2015	Thông qua việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014, ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự

			Đại hội cổ đông thường niên 2014.
02	02/NQ-HĐQT-2015	25/03/2015	Thông qua chủ trương cho phép Saigon Water được mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với số lượng tối đa không quá 1.432.900 cổ phần
03	03/NQ-HĐQT-2015	26/03/2015	Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, bổ sung nội dung bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới vào chương trình Đại hội, thông qua nội dung các tài liệu trình Đại hội.
04	04/QĐ-HĐQT-2015	09/04/2015	Thông qua ý kiến các thành viên HĐQT về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM đăng ký chào mua công khai cổ phiếu SII
05	05/NQ-HĐQT-2015	16/04/2015	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2015 của Ông Lê Quốc Bình kể từ ngày 13/04/2015, bổ nhiệm Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài khóa 2014 tổ chức ngày 21/04/2015 thông qua.
06	06/NQ-HĐQT-2015	14/05/2015	Chấp thuận cho Saigon Water đầu tư vào Cần Thơ WASSCO với tư cách cổ đông chiến lược để mua 12.05% cổ phần Cần Thơ WASSCO. Ủy quyền Ban Điều Hành Saigon Water hoàn tất toàn bộ các thủ tục cần thiết của việc đầu tư vào Cần Thơ WASSCO.
07	07/NQ-HĐQT-2015	18/05/2015	Chấp thuận cho Saigon Water góp vốn thành lập Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi với vốn điều lệ là 630 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Saigon Water là 629,9 tỷ đồng. Cử bà Giao Thị Yến và Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm làm người đại diện sở hữu phần vốn góp của Saigon Water tại Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi.
08	07A/2015/ NQ-HĐQT-2015	06/06/2015	Thông qua việc Saigon Water cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro vay 23,34 tỷ đồng để mua 1.535.550 cổ phần của Công ty CP Cấp thoát nước

			Cần Thơ.
09	08/NQ-HĐQT-2015	08/06/2015	Thông qua việc tái bổ nhiệm Ông Trương Khắc Hoàn giữ chức vụ Tổng giám đốc – Đại diện theo pháp luật của CTCP Hạ tầng Nước Sài Gòn, nhiệm kỳ: 03 năm – Thời gian bổ nhiệm kể từ 08/06/2015.
10	09/NQ-HĐQT-2015	10/06/2015	Chấp thuận cho Saigon Water đầu tư vào Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.
11	10/NQ-HĐQT-2015	17/06/2015	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét báo cáo tài chính bán niên cho công ty.
12	11/NQ-HĐQT-2015	17/06/2015	Thông qua việc cử Bà Giao Thị Yến là người đại diện sở hữu 3.374.000 cổ phần tương đương 12,05% tổng số vốn góp của Saigon Water tại Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ, đồng thời tham gia ứng cử vào HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ.
13	12/NQ-HĐQT-2015	25/06/2015	Chấp thuận cho Ban điều hành tiếp tục triển khai Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi với các nội dung sau: Cho phép ký kết hợp đồng khảo sát, thiết kế lập dự án với các đơn vị tư vấn, chấp thuận kế hoạch đấu thầu, chấp thuận cho Ban điều hành chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng nguyên tắc, cho phép ban điều hành thành lập Ban quản lý dự án và điều động nhân sự triển khai dự án.
14	12A/NQ-HĐQT-2015	06/07/2015	Đồng ý đề nghị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội SHB Chi nhánh Tp. HCM phát hành bảo lãnh với số tiền tối đa là 500.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn).
15	13/NQ-HĐQT-2015	22/07/2015	Chấp thuận cho Công ty SII được mở một hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDbank).

16	14/NQ-HĐQT-2015	25/08/2015	<p>Thông nhất thành lập Doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án “Mở rộng Nhà máy nước Cần Thơ 2, công suất 50.000 m³/ ngày”</p> <p>+ Tên dự kiến của Doanh nghiệp dự án: Công ty Cổ phần nước Sài Gòn – Cần Thơ</p> <p>+ Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng</p> <p>+ Người đại diện phần vốn góp của Công ty là bà Nguyễn Mai Bảo Trâm và ông Trương Khắc Hoàn</p> <p>+ Đại diện pháp luật là ông La Quốc Nghĩa.</p>
18	16/NQ-HĐQT-2015	23/09/2015	Chấp thuận cho Saigon Water mua sắm ô tô phục vụ cho hoạt động của Doanh nghiệp dự án
19	17/NQ-HĐQT-2015	29/09/2015	<p>- Phê duyệt dự án “Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi”;</p> <p>- Ủy quyền Chủ tịch HĐQT ký ban hành Nghị quyết phê duyệt Dự án đầu tư để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo của dự án và ký các Quyết định khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.</p>
20	18/NQ-HĐQT-2015	30/09/2015	Bổ nhiệm ông Ronnie D. Lim làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Saigon Water kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2015
21	19/NQ-HĐQT-2015	30/09/2015	Đồng ý cho Saigon Water thực hiện giao dịch tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, chiết khấu, bao thanh toán, ...) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 TPHCM.
22	20/NQ-HĐQT-2015	27/10/2015	<p>- Chấp thuận cho Ban điều hành Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SGW) xúc tiến việc hợp tác đầu tư với 2 đối tác để cùng tham gia đầu tư vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH cấp thoát nước Củ Chi (CCW)</p> <p>- Phê duyệt nội dung, các điều khoản và điều kiện, của các Thỏa thuận, Hợp đồng và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến việc hợp tác góp vốn đầu tư nói trên (gọi chung là Tài liệu giao dịch).</p>

23	21/NQ-HĐQT-2015	12/11/2015	Chấp thuận chủ trương lựa chọn công ty kiểm toán thuộc Big 4 để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Saigon Water. Ủy quyền cho Ban điều hành xúc tiến và chọn lựa một đơn vị kiểm toán thuộc Big 4 có năng lực và mức phí kiểm toán phù hợp với tình hình hoạt động của công ty để trình Đại hội đồng cổ đông 2016 thông qua.
24	22/NQ-HĐQT-2015	12/11/2015	- Phê duyệt đầu tư vào Dự án “Đầu tư xây dựng mới Nhà máy nước Sài Gòn – Mê Kông công suất 50.000 m ³ /ngày đêm” và chấp thuận Saigon Water góp vốn vào Công ty Cổ phần nước Sài Gòn – Cần Thơ để thực hiện dự án;
25	23/NQ-HĐQT-2015	02/12/2015	Phê duyệt nhà cung cấp dịch vụ cho dự án Hệ thống thanh toán và chăm sóc khách hàng (CCBS) của Dự án “Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi”;
26	24/NQ-HĐQT-2015	16/12/2015	- Phê duyệt các thay đổi trong cơ cấu tổ chức của công ty. - Giao Tổng giám đốc triển khai các thay đổi trong cơ cấu tổ chức của công ty.
27	25/NQ-HĐQT-2015	18/12/2015	- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn tham gia vào liên danh cùng với Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An tham dự đấu giá số cổ phần của Nhà nước chào bán hiện đang do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sở hữu tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. - Chấp thuận ủy quyền cho Ban điều hành thực hiện các thủ tục pháp lý để tham gia đấu giá cũng như lựa chọn và quyết định mức giá đấu.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Giao Thị Yên	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm (thay thế ông Lê Quốc Bình)	Thành viên HĐQT
5	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT
6	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT
7	Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Vũ Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên
3	Bà Karoline C. Sangalang	Thành viên

Hoạt động của BKS

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

Công ty không trả thù lao cho HĐQT, BKS.

Tiền lương của ban điều hành năm 2015 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2015		
			Tổng số tiền	Lương/thù lao	Thưởng
1	Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.368.611.111	1.301.111.111	67.500.000
2	Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	929.532.966	889.532.966	40.000.000
3	Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
4	Ronnie D. Lim	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
5	Bùi Quốc Dũng	Kế toán trưởng	549.529.312	499.529.312	50.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm - Phó Tổng giám đốc của CII kiêm thành viên HĐQT của SII	28.679.970	49,13%	32.654.750	55,94%	Mua thêm

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

Các giao dịch về vay, trả nợ vay

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty mẹ

- Vay trong năm

260.000.000.000

- Trả nợ vay trong năm

260.000.000.000

- Lãi vay phát sinh trong năm

3.062.222.223

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty tuân thủ chấp hành các qui định về quản trị công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC), Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Lầu 7, Tòa nhà 60 NDC, Số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Website: www.saigonwater.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, quý cổ đông, quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



Tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 42

M.S.C.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015)
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		892.833.736.805	509.441.132.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	331.763.493.782	140.578.138.650
1. Tiền	111		306.502.263.665	112.778.138.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.261.230.117	27.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		406.616.036.394	319.033.222.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	79.858.397.460	37.325.352.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.492.922.785	2.736.375.576
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.a	271.533.118.169	279.612.229.324
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.268.402.020)	(640.735.285)
IV. Hàng tồn kho	140	9	29.820.339.959	36.107.766.696
1. Hàng tồn kho	141		29.820.339.959	36.107.766.696
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.633.866.670	13.722.004.476
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	616.682.874	54.176.485
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		123.965.546.136	13.508.618.944
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11.a	51.637.660	159.209.047
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.995.293.238.093	516.642.508.833
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72.150.367.175	33.230.656.175
6. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	72.150.367.175	33.230.656.175
II. Tài sản cố định	220		319.399.580.841	153.715.098.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	312.201.743.198	153.715.098.802
- Nguyên giá	222		355.264.198.184	182.462.375.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.062.454.986)	(28.747.277.099)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	7.197.837.643	-
- Nguyên giá	228		7.539.438.939	46.392.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(341.601.296)	(46.392.120)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.223.517.648.759	124.030.743.731
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.223.517.648.759	124.030.743.731
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		353.514.986.836	177.387.929.970
2. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	15.a	210.217.591.836	34.090.534.970
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.b	143.297.395.000	143.297.395.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		26.710.654.482	28.278.080.155
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	3.394.279.113	2.113.779.010
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	477.015.000	62.175.009
5. Lợi thế thương mại	269	17	22.839.360.369	26.102.126.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.888.126.974.898	1.026.083.641.016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

09/12/2015 10:00:00 AM
 09/12/2015 10:00:00 AM
 09/12/2015 10:00:00 AM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.618.114.363.068	223.975.809.150
I. Nợ ngắn hạn	310		228.353.249.227	101.247.751.349
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	94.074.425.984	36.348.037.871
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.150.866.630	977.955.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11.b	37.285.745.534	1.259.595.478
4. Phải trả người lao động	314		863.753.143	1.317.569.995
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	13.402.276.769	2.294.830.558
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.006.954.416	29.310.559.086
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	73.415.113.986	29.620.751.596
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		154.112.765	118.451.765
II. Nợ dài hạn	330		1.389.761.113.841	122.728.057.801
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	600.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	789.761.113.841	122.728.057.801
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.270.012.611.830	802.107.831.866
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.270.012.611.830	802.107.831.866
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.700.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		583.700.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		119.923.034.000	119.923.034.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.429.014	1.921.868.014
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		184.457.567.484	66.769.782.457
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		65.420.660.456	53.278.553.815
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		119.036.907.028	13.491.228.642
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		379.250.818.084	29.708.384.147
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.888.126.974.898	1.026.083.641.016



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	591.861.164.254	86.278.325.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		591.861.164.254	86.278.325.126
4. Giá vốn hàng bán	11	26	411.496.066.005	63.920.965.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		180.365.098.249	22.357.359.316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	20.942.447.444	20.429.764.726
7. Chi phí tài chính	22	28	14.476.671.330	9.372.245.372
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.474.102.492	9.372.245.372
8. Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	24		7.488.676.866	2.126.502.603
9. Chi phí bán hàng	25		588.719.313	10.084.637
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	25.846.016.657	22.430.790.752
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		167.884.815.259	13.100.505.884
12. Thu nhập khác	31		468.121.628	1.621.961.668
13. Chi phí khác	32		141.160.832	24.806.017
14. Lợi nhuận khác	40		326.960.796	1.597.155.651
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		168.211.776.055	14.697.661.535
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	35.268.141.583	194.547.925
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(414.839.991)	(62.175.009)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		133.358.474.463	14.565.288.619
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		119.015.430.115	13.491.228.642
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.343.044.348	1.074.059.977
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.937	231



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàng
Tổng Giám đốc

10/11/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	573.398.077.387	69.652.724.363
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(370.887.782.947)	(51.325.346.192)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.193.640.075)	(13.308.069.198)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(13.667.552.889)	(8.462.655.510)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.340.657.914)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	624.651.535.156	6.532.988.957
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.373.826.730)	(21.404.553.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	755.586.151.988	(18.314.910.643)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.441.249.407.505)	(64.003.775.208)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	484.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(191.064.380.000)	(41.128.351.111)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	308.700.000.000	3.923.677.792
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.912.651.613	21.529.229.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.302.217.135.892)	(79.679.219.183)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	26.523.045.210	11.024.300.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.297.969.076.999	54.069.600.344
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(586.675.783.173)	(20.044.768.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	737.816.339.036	45.049.131.982
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	191.185.355.132	(52.944.997.844)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	140.578.138.650	193.523.136.494
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	331.763.493.782	140.578.138.650

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	573.398.077.387	69.652.724.363
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(370.887.782.947)	(51.325.346.192)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.193.640.075)	(13.308.069.198)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(13.667.552.889)	(8.462.655.510)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.340.657.914)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	624.651.535.156	6.532.988.957
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.373.826.730)	(21.404.553.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	755.586.151.988	(18.314.910.643)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.441.249.407.505)	(64.003.775.208)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	484.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(191.064.380.000)	(41.128.351.111)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	308.700.000.000	3.923.677.792
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.912.651.613	21.529.229.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.302.217.135.892)	(79.679.219.183)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	26.523.045.210	11.024.300.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.297.969.076.999	54.069.600.344
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(586.675.783.173)	(20.044.768.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	737.816.339.036	45.049.131.982
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	191.185.355.132	(52.944.997.844)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	140.578.138.650	193.523.136.494
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	331.763.493.782	140.578.138.650

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ sở hữu là 55,94%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính) và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con là đầu tư, sản xuất nước sạch, cung cấp thiết bị và các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực hạ tầng nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã mua 1.432.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, tương đương tỷ lệ sở hữu là 28,66%.

Trong năm, Công ty đã mua 9.684.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, trong đó Công ty mẹ mua 3.374.000 cổ phần, Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro (công ty con) mua 6.310.400 cổ phần, với tổng trị giá 147.202.880.000 VND.

Ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi với tỷ lệ đăng ký góp là 99,98% vốn điều lệ. Công ty đã chuyển nhượng 49% phần vốn góp tại công ty con này cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Ngày 16 tháng 10 năm 2015, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ với tỷ lệ đăng ký góp là 77% vốn điều lệ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết sau:

Thông tin về công ty con

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	Tỉnh Gia Lai	53,99%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty TNHH Cấp thoát nước Cù Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

(i) Các công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

Thông tin về Công ty liên kết

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Tỉnh Long An	25,77%	25,77%	Khai thác, cung cấp nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Thành Phố Hồ Chí Minh	28,66%	28,66%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	31,21%	31,21%	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty đã áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200 và Thông tư 202. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được trình bày lại theo các thông tư này. Do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Xem chi tiết các khoản mục được trình bày lại tại Thuyết minh số 36.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và nợ.

Hàng năm, Công ty kiểm tra và đánh giá lại các khoản lợi thế thương mại và lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ để đảm bảo tính chính xác của báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc có thời hạn thu hồi còn lại dưới 3 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nợ phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại ngày báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất đúng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.230.791.901	124.935.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	305.271.471.764	112.653.203.432
Các khoản tương đương tiền (i)	25.261.230.117	27.800.000.000
Cộng	331.763.493.782	140.578.138.650

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	57.638.930.777	22.918.384.123
Công Ty Cổ Phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	10.099.100.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp thoát Nước Lâm Đồng	7.917.681.675	8.859.847.353
Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.202.685.008	5.547.121.270
Cộng	79.858.397.460	37.325.352.746

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	271.533.118.169	279.612.229.324
Phải thu người lao động	8.590.565.858	4.516.259.660
Ký cược, ký quỹ	2.718.177.854	2.189.451.817
Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	259.770.714.696	272.670.714.696
Phải thu khác	453.659.761	235.803.151
b) Dài hạn	72.150.367.175	33.230.656.175
Ký cược, ký quỹ	72.150.367.175	33.230.656.175
- Đất cọc tiền mua cổ phần Công ty cổ phần Nước Tân Hiệp (ii)	71.557.351.111	32.857.351.111
- Ký cược, ký quỹ dài hạn khác	593.016.064	373.305.064
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	331.328.065.807	305.528.065.807

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIH) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	616.682.874	54.176.485
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	454.134.937	54.176.485
Các khoản khác	162.547.937	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	3.394.279.113	2.113.779.010
Chi phí sửa chữa	2.325.269.413	364.858.166
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.069.009.700	1.509.381.691
Các khoản khác	-	239.539.153

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a - Các khoản thuế phải thu	159.209.047	4.190.874.039	4.083.302.652	51.637.660
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	51.861.083	4.099.676.615	4.047.815.532	-
Thuế thu nhập cá nhân	107.347.964	91.197.424	35.487.120	51.637.660
b - Các khoản thuế phải nộp	1.259.595.478	59.884.348.699	23.858.198.643	37.285.745.534
Thuế giá trị gia tăng	153.742.067	22.098.785.798	16.174.669.857	6.077.858.008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.589.317	35.268.141.583	5.340.657.914	30.122.072.986
Thuế thu nhập cá nhân	49.808.960	965.171.280	810.104.942	204.875.298
Thuế xuất, nhập khẩu	-	300.546.743	300.546.743	-
Thuế tài nguyên	42.869.694	550.728.380	538.661.565	54.936.509
Thuế, phí nước thô	818.585.440	496.332.660	488.915.367	826.002.733
Các loại thuế khác	-	204.642.255	204.642.255	-

11-11-2015 10:30:00 AM

11-11-2015 10:30:00 AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	39.905.721.710	53.904.271.628	88.579.261.257	73.121.306	182.462.375.901
Mua trong năm	645.972.211	-	6.657.196.364	479.217.482	7.782.386.057
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.234.116.238	45.467.498.228	97.089.205.760	-	165.790.820.226
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(771.384.000)	-	(771.384.000)
Tại ngày 31/12/2015	63.785.810.159	99.371.769.856	191.554.279.381	552.338.788	355.264.198.184
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	4.408.699.584	13.235.392.551	11.052.002.449	51.182.515	28.747.277.099
Khấu hao trong năm	2.375.011.175	6.900.325.837	5.768.599.140	42.625.735	15.086.561.887
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(771.384.000)	-	(771.384.000)
Tại ngày 31/12/2015	6.783.710.759	20.135.718.388	16.049.217.589	93.808.250	43.062.454.986
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	35.497.022.126	40.668.879.077	77.527.258.808	21.938.791	153.715.098.802
Tại ngày 31/12/2015	57.002.099.400	79.236.051.468	175.505.061.792	458.530.538	312.201.743.198

Như trình bày tại Thuyết minh số 23:

- Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m³/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 166.596.229.317 VND để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty sử dụng tài sản là phương tiện vận tải với nguyên giá là 2.749.590.909 VND để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Tây Đô.
- Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 566.052.342 VND (31 tháng 12 năm 2014: 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	-	46.392.120	46.392.120
Mua trong năm	2.769.700.000	-	2.769.700.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.723.346.819	4.723.346.819
Tại ngày 31/12/2015	2.769.700.000	4.769.738.939	7.539.438.939
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	46.392.120	46.392.120
Khấu hao trong năm	-	295.209.176	295.209.176
Tại ngày 31/12/2015	-	341.601.296	341.601.296
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	2.769.700.000	4.428.137.643	7.197.837.643

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 46.932.120 VND (31 tháng 12 năm 2014: 0 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án nhà máy cấp nước nâng công suất cấp nước 30.000 m ³ /ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	-	123.998.991.731
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i)	1.222.592.789.263	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	924.859.496	31.752.000
Cộng	1.223.517.648.759	124.030.743.731

(i) Dự án Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662.000.000.000 VND, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600.000.000.000 VND được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 VND, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 VND.

Như đã trình bày tại thuyết minh tại thuyết minh số 23, Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	31.748.744.000	3.526.866.202	(i)	31.748.744.000	2.341.790.970	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	21.435.500.000	666.935.665	(i)			
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	147.202.880.000	5.636.665.969	(i)			
Cộng	200.387.124.000	9.830.467.836	-	31.748.744.000	2.341.790.970	
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ		210.217.591.836			34.090.534.970	

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
Chi phí đầu tư dự án khác	144.000.000	-	(i)	144.000.000	-	(i)
Cộng	143.297.395.000	-	-	143.297.395.000	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn và đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kết toán		Báo cáo kết quả hoạt động	
	hợp nhất		kinh doanh hợp nhất	
	31/12/2015	01/01/2015	2015	2014
	VND	VND	VND	VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện	477.015.000	62.175.009	(414.839.991)	(62.175.009)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(414.839.991)	(62.175.009)

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	29.364.891.903
Tăng do mua công ty con trong năm	86.290.833
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(3.349.056.600)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	26.102.126.136
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(3.262.765.767)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	22.839.360.369

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	40.546.172.795	31.511.092.785
XyLem Water Solutions (HongKong) Limited	25.069.725.509	-
Các đối tượng khác	28.458.527.680	4.836.945.086
Cộng	94.074.425.984	36.348.037.871

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	9.044.982.906	-
Chi phí tạm tính giá vốn công trình	3.317.002.700	1.984.595.308
Các khoản trích trước khác	1.040.291.163	310.235.250
Cộng	13.402.276.769	2.294.830.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Mượn tiền Ông Lê An Bình (i)	5.114.000.000	3.693.736.175
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	850.289.000	850.289.000
Mượn tiền Ông Phạm Văn Từ	-	24.543.885.548
Mượn tiền Ông Nguyễn Trường Sơn	-	150.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	42.665.416	72.648.363
Cộng	6.006.954.416	29.310.559.086

(i) Số dư khoản phải trả ngắn hạn Ông Lê An Bình tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản tiền Công ty mượn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Công ty không phải trả lãi cho khoản tiền mượn này.

134
30/12/2015
AN
VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Vay ngắn hạn	60.965.109.986	60.965.109.986	219.879.183.654	177.034.825.264	18.120.751.596	18.120.751.596
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (i)	60.000.000.000	60.000.000.000	210.000.000.000	150.000.000.000		
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	-	-	11.553.599.052	11.553.599.052	11.553.599.052
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (ii)	965.109.986	965.109.986	8.849.183.654	8.878.058.045	993.984.377	993.984.377
Bà Nguyễn Thị Thành Vinh	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
Ông Lương Trọng Khoa	-	-	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Bà Hồ Thị Xuân	-	-	530.000.000	1.300.000.000	770.000.000	770.000.000
Ông Lê An Bình	-	-	-	4.203.168.167	4.203.168.167	4.203.168.167
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	12.450.004.000	12.450.004.000			11.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	73.415.113.986	73.415.113.986	219.879.183.654	177.034.825.264	29.620.751.596	29.620.751.596

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1410/TT/15/HDTDNH-DN/068 ngày 27 tháng 05 năm 2015 với khoản nợ gốc là 60 tỷ VND. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/15-HĐĐT-SGW ngày 8 tháng 5 năm 2015. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Công ty sử dụng 409.114 Cổ phần Công ty CP BOO Nước Thủ Đức phát hành và 3.143.440 Cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Long An với tổng giá trị là 87.585.000.000 VND để thế chấp khoản vay này.

(ii) Số dư khoản vay thấu chi ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản vay thấu chi theo hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 10 năm 2015 với hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 VND, thời hạn hợp đồng từ ngày kí đến hết ngày 15 tháng 10 năm 2016, lãi suất tại ngày kí hợp đồng là 9,5%/năm và sẽ được điều chỉnh hàng tháng vào ngày tính lãi, mục đích vay là để thanh toán tiền điện cho nhà máy sản xuất nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Số dư khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số tiền mà Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không hoàn lại cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Vay dài hạn	802.211.117.841	806.368.117.841	689.199.728.040	21.216.668.000	134.228.057.801	134.228.057.801
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (i)	71.000.000.000	75.157.000.000	12.600.000.000	21.100.000.000	79.500.000.000	79.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	88.313.185.841	88.313.185.841	33.585.128.040	-	54.728.057.801	54.728.057.801
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (iii)	640.930.000.000	640.930.000.000	640.930.000.000			
Ngân hàng TMCP Á Châu (iv)	1.283.332.000	1.283.332.000	1.400.000.000	116.668.000		
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô (v)	684.600.000	684.600.000	684.600.000			
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	(12.450.004.000)				(11.500.000.000)	
Cộng	789.761.113.841	806.368.117.841	689.199.728.040	21.216.668.000	122.728.057.801	134.228.057.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Số dư khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được sử dụng với mục đích mua lại nhà máy cấp nước Đankia 2. Hạn mức khoản vay là 90.000.000.000 VND với thời hạn 7 năm, lãi suất trong năm đầu tiên là 12%/năm, kể từ năm thứ 2 lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở theo từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất thừa đất số 04, 407, 17, tài sản gắn liền với đất tại xã Lát, huyện Lạc Dương, phường 7, Thành phố Đà Lạt. Đây là đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

(ii) Ngày 3 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 109.000.000.000 VND, giải ngân theo nhu cầu tại từng thời điểm. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 96 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng và sẽ được trả gốc hàng quý, bắt đầu từ ngày 5 tháng 6 năm 2016 đến ngày 5 tháng 6 năm 2022. Khoản vay chịu lãi suất 9,43%/năm cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2014 đến ngày 4 tháng 12 năm 2014, sau đó, mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng VND trả lãi cuối kỳ trung bình của 4 ngân hàng (VCB, ACB, Saccombank và VPBank) tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 03%/năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku; toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m³/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc bán nước sạch cho Công ty TNHH MTV Cấp Nước Gia Lai để thế chấp cho khoản vay này.

(iii) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

(iv) Ngày 3 tháng 8 năm 2015 Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Châu trị giá 1.400.000.000 VND, khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua xe Mua xe Oto Mazada CX9. Khoản vay được trả trong vòng 48 tháng, đáo hạn ngày 3 tháng 8 năm 2019. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 8,7%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần. Công ty sử dụng Xe ô tô Mazda CX9 AWD để thế chấp cho khoản vay này.

(v) Ngày 7 tháng 12 năm 2015 Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô trị giá 684.600.000 VND, khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua xe Toyota Fortuner V. Khoản vay được trả trong vòng 60 tháng, đáo hạn ngày 7 tháng 12 năm 2020. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 10%/năm, thay đổi định kỳ 1 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ khoản vay để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.450.004.000	11.500.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	358.287.108.328	92.513.609.223
Sau năm năm	431.474.005.513	30.214.448.578
Cộng	802.211.117.841	134.228.057.801
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(12.450.004.000)	(11.500.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	789.761.113.841	122.728.057.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	583.700.000.000	119.923.034.000	1.837.104.766	169.526.496	53.278.553.815	8.505.726.037	767.413.945.114
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	20.128.598.133	20.128.598.133
Lãi trong năm	-	-	-	-	13.491.228.642	1.074.059.977	14.565.288.619
Tăng khác	-	-	84.763.248	-	-	-	84.763.248
Giảm khác	-	-	-	(84.763.248)	-	-	(84.763.248)
Số dư tại ngày 01/01/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	1.921.868.014	84.763.248	66.769.782.457	29.708.384.147	802.107.831.866
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	335.220.866.500	335.220.866.500
Lãi trong năm	-	-	-	-	119.015.430.115	14.343.044.349	133.358.474.464
Tăng khác	-	-	-	-	21.476.912	-	21.476.912
Giảm khác	-	-	-	-	-	(21.476.912)	(21.476.912)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	674.561.000	-	(674.561.000)	-	-
Trích quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(674.561.000)	-	(674.561.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	583.700.000.000	119.923.034.000	2.596.429.014	84.763.248	184.457.567.484	379.250.818.084	1.270.012.611.830

Tại ngày 21 tháng 4 năm 2015, Đại hội Đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014. Theo đó Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và không chia cổ tức năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty mẹ	326.547.500.000	286.799.700.000
Vốn góp của các đối tượng khác	257.152.500.000	296.900.300.000
Cộng	583.700.000.000	583.700.000.000

c) Cổ phần

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	58.370.000	58.370.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	58.370.000	58.370.000
+ cổ phần phổ thông	58.370.000	58.370.000
+ cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ cổ phần phổ thông	-	-
+ cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	58.370.000	58.370.000
+ cổ phần phổ thông	58.370.000	58.370.000
+ cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	535.595.224.031	35.647.308.197
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	4.942.341.419	3.402.955.979
Doanh thu cung cấp nước sạch	51.323.598.804	47.228.060.950
Cộng	591.861.164.254	86.278.325.126

H 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị ngành nước	367.638.643.232	28.784.441.269
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch	4.244.805.431	2.546.316.406
Giá vốn cung cấp nước sạch	39.612.617.342	32.590.208.135
Cộng	411.496.066.005	63.920.965.810

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.511.289.748	13.065.712.726
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.431.157.696	7.364.052.000
Cộng	20.942.447.444	20.429.764.726

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	14.474.102.492	9.372.245.372
Chi phí tài chính khác	2.568.838	-
Cộng	14.476.671.330	9.372.245.372

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	11.131.579.216	10.467.345.788
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	3.262.765.767	3.349.056.600
Chi phí dự phòng	1.969.069.980	-
Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu trong kỳ	(228.060.000)	(50.000.000)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.710.661.694	8.664.388.364
Cộng	25.846.016.657	22.430.790.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	168.211.776.055	14.697.661.535
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	24.919.834.562	9.490.554.603
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.431.157.696	7.364.052.000
Lợi nhuận từ công ty liên kết	7.488.676.866	2.126.502.603
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	21.148.803.416	3.737.783.561
Lỗ tính thuế của Công ty mẹ và các công ty con bị bù trừ khi hợp nhất	15.550.188.112	
Phân bổ lợi thế thương mại	3.262.765.767	3.349.056.600
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	450.213.213	86.700.000
Lợi nhuận chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	1.885.636.324	302.026.961
Thu nhập chịu thuế	164.440.744.909	8.944.890.493
Lỗ tính thuế mang sang	(4.793.783.944)	(7.972.150.869)
Thu nhập tính thuế	159.646.960.965	972.739.624
Thuế suất thuế thông thường	22%	22%
Thuế suất ưu đãi (i)	20%	20%
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (ii)	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	35.122.031.594	194.547.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	146.109.989	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.268.141.583	194.547.925

(i) Thuế suất 20% là thuế suất áp dụng tại công ty con - Công ty TNHH Cấp thoát nước Cù Chi, là Công ty mới thành lập trong năm 2015 có doanh thu phát sinh năm 2015 không quá 20 tỷ VND theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

(ii) Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư được áp dụng tại các công ty con như Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia và Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng trong suốt thời gian hoạt động là 10%, Công ty được ưu đãi miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.
- Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku được hưởng thuế suất thuế ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm và được miễn thuế 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, đồng thời giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty chỉ được hưởng những ưu đãi này khi thực hiện đúng các mục tiêu, quy mô của dự án “Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Pleiku - Công suất 30.000 m³/ngày” đã được phê duyệt.

Số/ T. Á. N. K. 10/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	119.015.430.115	13.491.228.642
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(5.950.771.506)	
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ (i)	113.064.658.609	
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	58.370.000	58.370.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.937	231

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ được tính bằng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2015. Trong đó số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 được tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2014 cho quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5% đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau, theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công : Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.
Bộ phận kinh doanh nước sạch : Cung cấp nước sạch
Bộ phận đầu tư tài chính : Hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công công trình VND	Đầu tư tài chính VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	540.537.565.450	20.942.447.444	51.323.598.804	-	612.803.611.698
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	1.524.976.573	7.531.912.145	-	(9.056.888.718)	-
Tổng doanh thu	542.062.542.023	28.474.359.589	51.323.598.804	(9.056.888.718)	612.803.611.698
Chi phí					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	371.883.448.663	14.476.671.330	39.612.617.342	-	425.972.737.335
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	1.524.976.573	5.363.662.145	-	(6.888.638.718)	-
Tổng chi phí	373.408.425.236	19.840.333.475	39.612.617.342	(6.888.638.718)	425.972.737.335
Kết quả kinh doanh bộ phận	168.654.116.787	8.634.026.114	11.710.981.462	(2.168.250.000)	186.830.874.363
Chi phí bán hàng					588.719.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp					25.846.016.657
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					160.396.138.393
Thu nhập khác					468.121.628
Chi phí khác					141.160.832
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết					7.488.676.866
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					35.268.141.583
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(414.839.991)
Tổng lợi nhuận sau thuế					133.358.474.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công công trình VND	Đầu tư tài chính VND	Kinh doanh nước sạch VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	39.050.264.176	20.429.764.726	47.228.060.950	-	106.708.089.852
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	2.391.887.827	224.361.925	-	(2.616.249.752)	-
Tổng doanh thu	41.442.152.003	20.654.126.651	47.228.060.950	(2.616.249.752)	106.708.089.852
Chi phí					
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	31.330.757.675	9.372.245.372	32.590.208.135	-	73.293.211.182
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	2.089.860.866	216.254.954	-	(2.306.115.820)	-
Tổng chi phí	33.420.618.541	9.588.500.326	32.590.208.135	(2.306.115.820)	73.293.211.182
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.021.533.462	11.065.626.325	14.637.852.815	(310.133.932)	33.414.878.670
Chi phí bán hàng					10.084.637
Chi phí quản lý doanh nghiệp					22.430.790.752
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					10.974.003.281
Thu nhập khác					1.621.961.668
Chi phí khác					24.806.017
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết					2.126.502.603
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					194.547.925
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(62.175.009)
Tổng lợi nhuận sau thuế					14.565.288.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	863.176.227.827	152.348.809.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(331.763.493.782)	(140.578.138.650)
Nợ thuần	531.412.734.045	11.770.670.747
Vốn chủ sở hữu	1.270.012.611.830	802.107.831.866
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	42%	1,5%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	331.763.493.782	140.578.138.650
Phải thu khách hàng	77.589.995.440	36.719.866.557
Phải thu khác	335.092.919.486	308.291.376.743
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	353.514.986.836	177.387.929.970
Cộng	1.097.961.395.544	662.977.311.920
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	863.176.227.827	152.348.809.397
Phải trả người bán	94.074.425.984	36.348.037.871
Phải trả khác	6.006.954.416	29.310.559.086
Chi phí phải trả	13.402.276.769	2.294.830.558
Cộng	976.659.884.996	220.302.236.912

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	331.763.493.782	-	-	331.763.493.782
Phải thu khách hàng	77.589.995.440	-	-	77.589.995.440
Phải thu khác	262.942.552.311	72.150.367.175	-	335.092.919.486
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	353.514.986.836	353.514.986.836
Cộng	672.296.041.533	72.150.367.175	353.514.986.836	1.097.961.395.544
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	73.415.113.986	358.287.108.328	431.474.005.513	863.176.227.827
Phải trả người bán	94.074.425.984	-	-	94.074.425.984
Phải trả khác	6.006.954.416	-	-	6.006.954.416
Chi phí phải trả	13.402.276.769	-	-	13.402.276.769
Cộng	173.496.494.386	358.287.108.328	431.474.005.513	976.659.884.996
Chênh lệch thanh khoản thuần	498.799.547.147	(286.136.741.153)	(77.959.018.677)	121.301.510.548
Tại ngày 01/01/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.578.138.650	-	-	140.578.138.650
Phải thu khách hàng	36.719.866.557	-	-	36.719.866.557
Phải thu khác	275.060.720.568	33.230.656.175	-	308.291.376.743
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	177.387.929.970	177.387.929.970
Cộng	452.358.725.775	33.230.656.175	177.387.929.970	662.977.311.920
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	29.620.751.596	92.513.609.123	30.214.448.678	152.348.809.397
Phải trả người bán	36.348.037.871	-	-	36.348.037.871
Phải trả khác	29.310.559.086	-	-	29.310.559.086
Chi phí phải trả	2.294.830.558	-	-	2.294.830.558
Cộng	97.574.179.111	92.513.609.123	30.214.448.678	220.302.236.912
Chênh lệch thanh khoản thuần	354.784.546.664	(59.282.952.948)	147.173.481.292	442.675.075.008

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông Thông tư 200 và Thông tư 202. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202, do đó số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu	01/01/2015	Trình bày lại	01/01/2015
	Theo QĐ 15		Trình bày lại
Tài sản ngắn hạn	279.612.229.324	-	279.612.229.324
Phải thu ngắn hạn khác	272.906.517.847	6.705.711.477	279.612.229.324
Tài sản ngắn hạn khác	6.705.711.477	(6.705.711.477)	-
Cộng tài sản	279.612.229.324	-	279.612.229.324
Vốn chủ sở hữu	1.921.868.014	-	1.921.868.014
Quỹ đầu tư phát triển	1.837.104.766	84.763.248	1.921.868.014
Quỹ dự phòng tài chính	84.763.248	(84.763.248)	-
Cộng nguồn vốn	1.921.868.014	-	1.921.868.014

Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoành
Tổng Giám đốc

